

Hoàng Văn Chí

Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc

Phần II:

TÀI LIỆU (NHÂN VẬT VÀ TÁC PHẨM)

000o000

Chương 1:

Phái cựu học

Phái này trước kia gồm những nhà văn xuất thân từ Nho học, đồng thời với cự Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng, ra đời vào khoảng cuối thế kỷ trước, lúc Pháp mới bắt đầu đặt nền đô hộ trên toàn cõi lãnh thổ Việt Nam. Nhưng tất cả các văn nhân trong thế hệ này đều đã qua đời, chỉ còn sót lại có hai cự là *Sở Cuồng Lê Dư* và *Chương Dân Phan Khôi*. Cả hai cự đều là người Quảng Nam và đều có tham gia phong trào Đông kinh Nghĩa thực và phong trào kháng thuế ở Trung kỳ.

Cự Lê Dư đã mất hẳn trí nhớ nên từ lâu nay không còn sáng tác nữa, chỉ còn lại một mình cự Phan Khôi, có thể nói là đại diện cho cả một thế hệ, cho một hệ thống tư tưởng Nho giáo, đơn thương độc mã chống cự với ý thức hệ Mác-xít và chế độ cộng sản. Tiếng nói của cự là tiếng nói của một học phái từ hai nghìn năm trước còn vang lại, nhắc chúng ta phải nhớ đến thời Xuân Thu, Chiến Quốc bên Tàu mà thực sự có “Bách gia tranh minh, bách hoa tề phóng”. Phong trào này ngày xưa bị Tần Thủy Hoàng đàn áp và ngày nay bị ông Mao Trạch Đông và ông Hồ Chí Minh tiêu diệt. Phan Khôi là đồ đệ cuối cùng còn giữ đủ tinh thần tiết tháo của trên bảy mươi thế hệ Nho gia.

CỰ PHAN KHÔI

Cự sinh năm 1887 tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, ông thân sinh ra cự là Phan Trân, trước làm tri phủ, phủ Điện Khánh, sau từ quan về làm nghề dạy học. Bà mẹ cự Phan Khôi là con gái cự Hoàng Diệu, nguyên Tổng đốc Hà Nội, có lần đã đi sứ sang Tây Ban Nha và Anh Cát Lợi. Cự Hoàng Diệu tuần tiết khi thành Hà Nội bị lọt vào tay Henri Rivière năm 1882.

Cự Phan Khôi học chữ Nho rất giỏi và mới 19 tuổi đã đỗ tú tài (1905) tuy rằng sức học đáng để học cao hơn. Đỗ xong cự tỏ ý chán khoa cử, vì cự được gặp cự Phan Bội Châu và cự Phan Chu Trinh nên bị ảnh hưởng của hai nhà cách mạng này. Năm 1907 cự Phan Khôi ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông kinh Nghĩa thực và viết cho tờ tạp chí *Đảng cổ Tùng báo* do phong trào này xuất bản. Chẳng bao lâu tờ tạp chí bị cấm và phong trào bị khủng bố. Cự Phan liền rút lui về Nam Định rồi về Hải Phòng ẩn náu. Ít lâu sau cự lên về Quảng Nam hoạt động trong Phong trào Văn thân cùng với cự Huỳnh Thúc Kháng.

Trong một cuộc biểu tình đòi giảm thuế, cự Phan bị bắt và giam tại nhà lao Quảng Nam cho mãi đến năm 1914, vì có chiến tranh Đức-Pháp, toàn quyền Albert Sarraut mới ân xá cho nhiều tù nhân, trong đó có cự. Trong thời gian bị tù, cự Phan học chữ Pháp với những công chức cùng bị giam. Thoát khỏi tù, cự ra Hà Nội làm nghề viết báo. Cự viết cho tờ *Nam phong*, là tờ báo văn học duy nhất của thời bấy giờ. Vì bất bình với Phạm Quỳnh là giám đốc tờ *Nam phong*, cự bỏ Hà Nội vào Sài Gòn viết cho tờ *Lục tỉnh Tân văn*. Năm 1920 cự lại trở ra Hà Nội viết cho tờ *Thực nghiệp Dân báo* và tờ *Hữu thanh* của cự Ngô Đức Kế. Trong thời kỳ này cự dịch thuê cuốn *Kinh Thánh* cho Hội Tin lành. Cuốn *Nam âm thi thoại* của cự ra đời trong thời kỳ này. Năm 1928, tờ *Thực nghiệp Dân báo* và tờ *Hữu thanh* bị đóng cửa, cự Phan lại trở vào Sài Gòn viết cho tờ *Thần chung* và tờ *Phụ nữ Tân văn*, và gửi bài ra Hà Nội cho báo Đông Tây. Trong thời kỳ này cự Phan bút chiến với Hải Triều, nhà văn cộng sản, về vấn đề duy tâm và duy vật. Cuộc bút chiến này sôi nổi dư luận trong toàn quốc.

Năm 1931, cự Phan lại trở ra Hà Nội viết cho tờ *Phụ nữ Thời đàm*. Năm 1936 cự vào Huế viết cho tờ *Tràng An* và xin được phép xuất bản tờ *Sông Hương*. Cự tái bản cuốn *Nam âm thi thoại* và đổi tên là *Chương Dân thi thoại*. Năm 1939 tờ *Sông Hương* chết, cự Phan lại trở vô Sài Gòn dạy học chữ Nho và viết tiểu thuyết. Thời kỳ

này cụ viết cuốn *Trở vỏ lừa ra*. Sau khi Sài Gòn bị phi cơ đồng minh oanh tạc dữ dội, cụ Phan rút lui về quê để tránh bom và sống an nhàn cho đến khi Việt Minh cướp chính quyền, năm 1945.

Cụ bất bình với chính sách khủng bố của Việt Minh thi hành ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, nhất là về việc cán bộ địa phương định phá huỷ nhà thờ cụ Hoàng Diệu, nên cụ lớn tiếng công kích. Cán bộ địa phương toan bắt cụ, nhưng vì nể Phan Thao là con cụ lúc bấy giờ làm cán bộ cao cấp trong uỷ ban Trung bộ, nên không dám bắt mà chỉ báo cáo lên cấp trên. Về phần cụ Phan, cụ cũng khôn khéo viết thư cho cụ Huỳnh Thúc Kháng lúc bấy giờ giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ ở Hà Nội. Cụ Huỳnh vội vàng can thiệp. Hồ Chí Minh dàn xếp vấn đề bằng cách tự tay viết thư mời cụ Phan ra Hà Nội hợp tác, nhưng kỳ thực là giao cho em họ cụ là Phan Bội, tức Hoàng Hữu Nam, Trung ương Uỷ viên và Thứ trưởng Bộ Nội vụ phụ trách quản thúc.

Ra đến Hà Nội, cụ Phan không chịu ở nhà Phan Bội, cụ lên phố Quan Thánh ở nhà Khái Hưng, tức Trần Khánh Dư, là một nhà văn theo Quốc dân Đảng. Khi Việt Minh khủng bố Quốc dân Đảng và vây nhà Khái Hưng để bắt Khái Hưng thì đồng thời cũng bắt được cụ Phan Khôi trong đó. Vì lúc bấy giờ Phan Thao con cụ làm chủ nhiệm báo *Cứu quốc* ở Hà Nội, nên một lần nữa Việt Minh lại không dám khủng bố cụ Phan. Chúng giao cụ cho Phan Bội điều lên chiến khu Việt Bắc. Cụ ở Việt Bắc suốt 9 năm kháng chiến. Ở chiến khu cụ Phan được giao công tác phiên dịch sách chữ Hán hoặc chữ Pháp sang tiếng Việt. Tuy bắt mãn, nhưng cụ cũng làm tròn nhiệm vụ. Ông Hồ lấy làm bằng lòng và ban cho cụ một chiếc áo “bờ-lu-dông” Mỹ.

Sự thực thì cụ Phan chỉ tán thành cuộc kháng chiến chống Pháp, nhưng cụ rất ghét Việt Minh. Hồi 1951 cụ làm bài thơ ví cuộc kháng chiến như hoa hồng và ví Việt Minh như gai. Đại ý cụ nói cụ vì yêu kháng chiến mà phải phục tùng Việt Minh. Bài thơ như sau:

Hồng gai

*Hồng nào hồng chẳng có gai
Miễn đừng là thứ hồng dài không hoa,
Là hồng thì phải có hoa,
Không hoa chỉ có gai mà ai chơi?
Ta yêu hồng lắm hồng ơi!
Có gai mà cũng có mùi hương thơm.*
(16-03-1951)

Cụ ghét Việt Minh về nổi căm đoán tự do ngôn luận nên cụ làm một bài thơ tả số phận con lợn như sau:

*Đánh đùng một cái
Kêu éc éc ngay
Bịt mõm, bịt miệng,
Trói chân, trói tay
.....
Từ dây đến cái dao
Chẳng còn xa là bao.*

Cám cảnh cô độc ở Việt Bắc, cụ Phan làm một bài thơ chữ Hán mà Thế Lữ dịch ý như sau:

*Một mình trước cảnh xanh núi rừng
Ta ngồi ngạo nghễ với bầy chim bầy vượn
Vi ta chạy loạn mà tình cờ gặp cảnh lâm tuyền.*
(Cụ ví Việt Minh là thú vật.)

Và một bài khác Thế Lữ dịch ý như sau:

*Một mình đêm giao thừa
Đến ngọn đèn làm bầu bạn cũng không có
Đắp lên thân suy tàn một tấm chăn kép
Chợp mắt mơ là nhằm miếng chua cay*

*Có vợ con mà sống chia cách
Không sinh kế đành phải ăn nhờ
Nghe tiếng gà mừng vùng dậy
Kháng chiến bốn lần gặp Xuân rồi*
(1950)

Vì khí hậu độc nên cụ sinh ốm đau và phải vào bệnh viện nằm trong đó một thời gian. Ra khỏi bệnh viện, cụ đi hút tót và cảm hứng cụ làm bốn câu thơ:

*Tuổi già thêm bệnh hoạn
Kháng chiến thấy thừa ta
Mối sầu như tóc bạc
Cứ cắt lại dài ra.*
(1952)

Cuối năm 1954 cụ Phan Khôi ở chiến khu về Hà Nội cùng với đa số các văn nghệ sĩ khác. Vì không có nhà cửa ở Hà Nội nên Hội Văn nghệ dành cho cụ một buồng ở tầng ba của nhà trụ sở hội đường Gambetta cũ. Cụ vẫn tiếp tục công việc phiên dịch. Mùa Thu 1956 cụ viết bài “Phê bình lãnh đạo văn nghệ” đăng trong Giai phẩm mùa Thu. Bài này gây nên ngọn lửa chiến tranh giữa trí thức miền Bắc với Đảng. Để nói rộng cuộc đấu tranh sang lĩnh vực chính trị, cụ Phan Khôi đứng ra làm chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Nhân văn*. Để tỏ ý chỉ đấu tranh đến cùng, cụ làm bốn câu thơ:

*Nắng chiếu tuy có đẹp
Tiếc tài gần chạng vạng
Mặc dù gần chạng vạng
Nắng được thì cứ nắng*
(1956)

Nhận thấy thái độ chống đối của cụ Phan Khôi là một điều tối nguy hại cho chế độ, Việt cộng, một lần cuối cùng, cố sức mua chuộc cụ bằng cách mời cụ sang Bắc Kinh để dự lễ kỷ niệm nhà văn Lỗ Tấn. Chính quyền miền Bắc hy vọng rằng cho cụ đi thăm các xưởng máy đồ sộ của Trung Quốc, cụ sẽ phải khâm phục sự tiến bộ của nước đàn anh vĩ đại, và do đó sẽ thay đổi quan niệm, không chỉ trích cộng sản nữa. Một lần nữa, cộng sản lại thất vọng. Một hôm cụ Phan được đưa tới thăm nhà máy An Sơn của Trung cộng, cụ làm ra vẻ tấm tắc khen ngợi những máy móc tinh xảo và phát biểu như sau:

- Ngày xưa ông Mác nói : Lao động sáng tạo, nhưng tôi nghĩ rằng nên nói trí thức và lao động sáng tạo, mới đúng.”

Cán bộ Tàu lễ phép chữa lại:

- Thưa cụ, ông Mác nói là lao động là bao gồm cả trí thức trong đó chứ ạ!”

Cụ Phan trả lời ngay:

- Không đâu, ý ông Mác chỉ muốn nói công nhân thôi, còn trí thức thì sau này người ta mới thêm thất vào đó.”

Cán bộ Trung cộng ứ hơi cứng họng không trả lời được.

Sau khi ở Trung Quốc về, cụ Phan lại tiếp tục công việc làm chủ nhiệm báo *Nhân văn*. Biết rằng Đảng sắp khủng bố đến nơi, cụ vẫn bình tĩnh tiếp tục cuộc đấu tranh. Hồi đó cụ làm bốn câu thơ hài hước như sau:

*Làm sao cũng chẳng làm sao
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi
Làm chi cũng chẳng làm chi
Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao*

Việc cụ Phan Khôi chống đối Đảng trong hai năm vừa qua như thế nào, chúng tôi đã trình bày tường tận trong mục: “*Lịch trình đấu tranh của trí thức ở miền Bắc*”. Chúng tôi cũng đã tường thuật việc cụ bị đả kích và chửi bới như thế nào. Họ bảo cụ là phản động Việt gian, phá hoại, tở-rót-kít, cụ hút thuốc phiện, chơi gái... và cụ “hủ hoá” cả với nữ sĩ Thụy An nữa (nên nhớ rằng khi cụ Phan gặp bà Thụy An, cụ đã ngoài 70 tuổi). Điều đó không làm cho chúng ta ngạc nhiên vì tục ngữ của chúng ta đã sẵn có câu : Được là vua, thua là giặc.

Điều mà chúng ta cần chú ý là nhờ có sự chửi bới moi móc đó mà chúng ta biết thêm được một vài chi tiết về sự nghiệp văn chương của cụ Phan. Số là trong báo *Văn nghệ* số 15, xuất bản hồi tháng 8, 1958, Đoàn Giỏi, một cán bộ văn nghệ có viết một bài mạt sát cụ Phan, trong đó có nói nhiều đến cuốn *Nắng chiều* của cụ Phan mà từ trước tới nay chưa ai biết, vì chưa xuất bản.

Cũng vì không thể kiếm được nguyên bản nên chúng tôi tạm trích bài phê bình của Đoàn Giỏi để độc giả có thể có một khái niệm về tác phẩm cuối cùng của cụ và cũng để độc giả thử đoán xem Đoàn Giỏi có chủ tâm đả kích cụ Phan Khôi không, hay là chỉ mượn cơ chửi bới để phổ biến một tác phẩm mà từ lâu Đảng vẫn giấu kín trong tủ sắt. Chúng tôi không dám quyết định, chỉ biết rằng sau khi đăng bài đó, ban biên tập tờ *Văn nghệ* phải tự kiểm thảo và từ ngày ấy thấy vắng tên Đoàn Giỏi trên mặt báo. Chúng tôi cũng không dám phê bình cụ Phan Khôi vì cụ là tiền bối. Những người đã có dịp quen biết với cụ trong cuộc đời bên ba của cụ, tất nhiên biết về cụ rõ hơn chúng tôi.

* PHÊ BÌNH LÃNH ĐẠO VĂN NGHỆ

Ngày 14 tháng 7 trước đây, một anh bạn trẻ đến với tôi, ngỏ ý muốn tôi viết một bài cho tập *Giai phẩm mùa Thu*, tôi nhận lời, và viết bài này.

Tôi không phải không nhớ nhập tâm rằng cái *Giai phẩm mùa Xuân* đã gây ra một cảm giác nặng nề cho giới văn nghệ, nhưng mà tôi cứ viết. Là vì tôi nghĩ thấy mùa Thu không thể giống được với mùa Xuân. Thầy Mạnh Tử nói rằng “Bĩ nhất thời dã, thủ nhất thời dã”. “Thời” là mùa, mùa nào tiết khí ấy, mà cũng mùa nào thức ấy. Huống chi cái tôi viết đây là viết bằng văn xuôi, có chi nói nấy, nói toàn những sự thực, tôi không làm thơ, trong đó không có cái gì nhiều khê, bí hiểm, như “Cái bình vôi” của Lê Đạt, “Con chó đói” của Trần Dần, “Cái chổi quét rác rưởi” của Phùng Quán, nó như ruột voi, như phổi bò, suôn đuồn đuột mà xốp xồm xộp, ai đọc cũng thấy ngay tôi nói gì, khỏi phải hiểu ý này ra ý khác thì tôi tưởng cũng nên viết lắm.

Tôi muốn nói sự thực. Nhưng có người bảo rằng “có những cái sự thực không nên nói”. Tôi không tin. Đó là ở dưới chế độ nào kia, chứ ở dưới chế độ của chúng ta, đã lấy phê bình, tự phê bình làm võ khí, thì còn có cái sự thực nào là cái sự thực không nên nói?

Tôi muốn phê bình. Nhưng có người khác lại bảo rằng “phê bình nội bộ thì được, không nên viết trên sách báo, bên địch chúng thấy chúng sẽ xuyên tạc ra”. Tôi cũng không tin. Cái thời kỳ “đóng cửa dạy nhau” đã qua rồi, ngày nay chính là ngày có mâu thuẫn gì giữa nội bộ cần phải giải quyết trước mặt quần chúng nhân dân, không nhờ ánh sáng của quần chúng nhân dân soi dẫn cho, thì không thể giải quyết nổi. Và lại, đã nhận rằng **ăn của nhân dân, làm việc cho nhân dân, nhân dân là chủ, có quyền kiểm tra mọi việc**, thì sao cứ im im ta với nhau không cho nhân dân biết? Bởi những lẽ đó, tôi viết bài này phê bình lãnh đạo văn nghệ của Hội Văn nghệ Việt Nam, cái cơ quan mà tôi sống trong đó tám chín năm nay từ khi nó mới bắt đầu thành lập ở Việt Bắc tới giờ, và phê bình rất thẳng thắn.

Hồi còn ở Việt Bắc, đường lối văn nghệ có vẻ giản đơn lắm. Tóm lại là theo chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa hiện thực xã hội để phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân, nhất là phục vụ cho cuộc kháng chiến trước mắt. Những người công tác văn nghệ lúc bấy giờ có làm đúng và đầy đủ như thế không, chưa nói đến; một điều có thể nói chắc là ai nấy đều cố gắng đi theo đường lối ấy. Đối với lãnh đạo, họ có thắc mắc gì không? Hầu như không có thắc mắc gì cả. Nếu có thì cũng đã chín bỏ làm mù, vì trong thời gian đó, cái vĩ đại, cái gian khổ mà vinh quang của cuộc kháng chiến ngập trên người họ, họ đang để lòng mà nghĩ đến kháng chiến, không nghĩ đến chuyện khác.

Ở đây tôi không đi sâu hơn, không đi tìm cái cớ tại làm sao mà sau khi thắng lợi trở về thủ đô, *lãnh đạo văn nghệ* thành ra vấn đề, *quần chúng văn nghệ* thắc mắc đối với lãnh đạo; tôi chỉ đưa ra cái hiện tượng không tốt ấy sau khi trở về Hà Nội hai năm nay. Thành linh tôi dùng cái danh từ “*quần chúng văn nghệ*” chắc có người thấy mà lấy làm chướng mắt. Nhưng không dùng thì không lấy gì đủ chỉ rõ một cái hiện tượng: cái hiện tượng *đối lập*, một bên là lãnh đạo văn nghệ, một bên là quần chúng văn nghệ. Trước kia, trong thời kháng chiến, lãnh đạo với thứ quần chúng ấy là một, mà bây giờ là hai. Thêm một điều đáng chú ý, là cái thứ quần chúng ấy, hiện nay, không chỉ là văn nghệ sĩ theo kháng chiến ở Việt Bắc, mà còn văn nghệ sĩ ở vùng mới giải phóng, mà còn văn nghệ sĩ ở vùng Nam bộ, ở khu V ra tập kết nữa, một thứ quần chúng khá đông đảo, hễ lãnh đạo không khéo thì nó dễ thành ra đối lập.

Ở dưới chế độ tư sản, sự đối lập là thường: nhân dân đối lập với chính phủ, công nhân đối lập với chủ xưởng, học sinh đối lập với nhà trường... Nhưng ở dưới chế độ của chúng ta, về mọi phương diện, yêu cầu phải đi đến không đối lập, hễ còn có đối lập, là cái hiện tượng không tốt, cái triệu chứng không tốt. Sở dĩ có cái hiện tượng ấy là bởi trong lĩnh vực văn nghệ chúng ta hai năm nay có những điều sai lệch về lãnh đạo mà tôi sẽ cử đại khái ra như dưới đây. Đây là những việc nổi bật lên, tôi thấy rõ thì tôi nói; còn những việc khác, về mặt tổ chức, về mặt hành chính tôi không biết cho lắm thì tôi không nói.

1. Về vấn đề tự do văn nghệ sĩ

Sau khi về Hà Nội không lâu, giữa một cuộc toạ đàm ở trụ sở Hội Văn nghệ, một cán bộ cao cấp lấy tư cách cá nhân đề ra cái vấn đề “*tự do của văn nghệ sĩ*”. Cái vấn đề ấy được giải thích là: Có một số văn nghệ sĩ nào đó đòi tự do hay là có ý đòi tự do, mà tự do một cách bừa bãi, đến nỗi “*ví như một kẻ kia đi trên đường phố, thấy có người ôm cái cặp da đẹp, giật ngang lấy đi, rồi nói rằng đó là tự do của mình vì mình thích cái cặp da.*” Do đó, kết luận là: *phải có lãnh đạo, văn nghệ sĩ phải ở dưới quyền lãnh đạo*. Tôi thấy vấn đề đặt như thế không đúng. Sự thực trước mắt chúng ta không hề có như thế. Bao nhiêu văn nghệ sĩ từng theo kháng chiến, không luận ở Việt Bắc, ở Nam bộ, ở Khu V, đều đã ở trong Hội Văn nghệ, đều đã bằng lòng chịu lãnh đạo rồi, nếu họ không bằng lòng chịu lãnh đạo thì họ đã không ở trong Hội Văn nghệ. Còn những văn nghệ sĩ ở vùng mới giải phóng, họ còn ở lại đây tức là họ chấp tâm chịu lãnh đạo, nếu không thì họ đã đi vào Nam. Tóm lại, văn nghệ sĩ hiện nay có mặt ở miền Bắc không ai đòi tự do bừa bãi hết, không ai định “*đánh giật cặp da*” hết, tôi không biết vì sao lại đặt ra vấn đề ấy.

Quả thật như vậy, văn nghệ sĩ của chúng ta chẳng những đáng yêu mà lại đáng thương nữa. Họ biết trước kia họ đã đi sai đường, họ ngoan ngoãn chịu lãnh đạo. Mồ ma Tô Ngọc Vân, anh là một họa sĩ chụp vẽ mỹ nhân, năm 1948, anh còn vẽ bức tranh màu đề là “Hà Nội đứng lên”, trình bày một người thiếu phụ tuyệt đẹp đứng hiên ngang trong đồng lúa, chung quanh là những cái nấp nhà đổ vì bom đạn. Thế mà sau đó anh chừa hẳn cái vai chụp ấy. Ở Triển lãm Hội họa năm 1952, trong một bức tranh không có thể không có phụ nữ, thì anh vẽ một đám đàn bà già và gái bé. Còn Thế Lữ, có lần tôi hỏi tại sao anh không làm thơ như trước kia. Anh trả lời rằng đợi đến bao giờ anh “*chỉnh*” lại được tâm hồn, cảm thông được với quần chúng cần lao, bấy giờ anh sẽ làm. Thứ văn nghệ sĩ như thế, mà nói họ đòi tự do, dù chưa phải là tự do bừa bãi, cũng đã oan họ lắm rồi, oan mà không có chỗ kêu.

Có lẽ bởi nhìn thấy ở một khía cạnh nào rồi nhận định hẳn như thế, nên từ đó lãnh đạo gắt hơn, kỳ tiêu diệt thứ tự do ấy của văn nghệ sĩ. Nhưng, sự thực, thứ tự do ấy vốn **không có** để bị tiêu diệt, mà cái cá tính của văn nghệ sĩ, cái nghệ thuật tính của văn nghệ, nhân đó, tuy chưa đến bị tiêu diệt, chứ cũng đã bị thương. Chưa nói đến cá tính và nghệ thuật tính. Ngay đến ý kiến, ngôn luận của quần chúng văn nghệ dù rất bình thường, không có gì hại, cũng bị kìm hãm. Tôi là một người đã chịu cái điều khó chịu ấy, tôi nói ra đây tưởng không có ai ác đến nỗi bảo tôi là dựng đứng hay xuyên tạc.

Sau khi về Hà Nội mấy tuần lễ, có một cuộc họp mặt văn nghệ sĩ với mấy đồng chí văn nghệ Liên-sô. Một đồng chí nói rằng mình vì không đọc được tiếng Việt cho nên không biết văn học Việt như thế nào, chứ còn mấy ngành khác như nhạc, họa, kịch đều thấy có tiến bộ cả. Nhân đó, tôi phát biểu ý kiến, đại khái tôi nói văn học Việt vì những điều kiện nào đó hạn chế, nên hiện thời nó còn thấp kém lắm, chưa theo kịp sự tiến bộ của mấy ngành kia. Lại trong một cuộc họp khác sau đó, nói về âm nhạc, có mấy người đề cao nhạc cổ Việt Nam. Tôi tuy dốt âm nhạc chứ cũng biết rằng nhạc cổ của ta không cao đến cái mức ấy, bèn lại phát biểu ý kiến. Tôi thuật lại chuyện nghe ở người khác rằng có một nghệ sĩ nước bạn phê bình điệu hát chèo, trong đó đệm nhiều những “*a ý a*”, “*tình tình tang*”, còn đeo tính chất nguyên thủy. Mấy hôm sau, tôi gặp ông Hoài Thanh ở chỗ thang gác tầng thứ hai của trụ sở Hội Văn nghệ, ông bảo rằng mấy lần phát biểu ý kiến của tôi đều đáng phê bình, nhất là lần sau, sao lại bằng vào lời một nghệ sĩ nước ngoài mà phủ định nhạc cổ? Tôi chưa kịp nói gì thì ông đã đi xuống khỏi thang gác.

Tháng mười năm ngoái, tôi được cất cử nói chuyện trong cuộc kỷ niệm Lỗ Tấn. Trước khi nói, tôi phải viết ra trình qua lãnh đạo xem. Trong bài viết, có chỗ tôi nói Lỗ Tấn thông hiểu chủ nghĩa Mác lắm, nhưng trong văn chương của ông không hề dùng những danh từ Mác-xít, mỗi khi đọc, làm tôi nghĩ đến con tằm: con tằm ăn dâu rồi nhả ra tơ, nếu nhả ra dâu thì không phải là con tằm. Ông Nguyễn Tuân hỏi tôi: “*Nói như thế là định viser (ám chỉ) ai?*” Đề nghị tôi nên chữa. Tôi lấy làm lạ, tôi sao lại có tâm địa xỏ lá đến nỗi mỗi khi nói phải có ám chỉ ai mới được; tuy vậy, tôi cứ hứa sẽ chữa. Một chỗ khác, nói về lối phiên dịch, Lỗ Tấn chủ trương

trực dịch. Ông Hoài Thanh bảo tôi phải chữa, lấy lẽ rằng phiên dịch có nhiều lỗi, nếu lấy Lỗ Tấn làm khuôn mẫu thì Hồ Chủ tịch dịch *Tĩnh uỷ bí mật*, không trực dịch, chẳng là không đúng hay sao? Tôi biết rõ rằng cái câu nói đó chỉ là thuật lại cái chủ trương của Lỗ Tấn, chẳng hề lấy làm khuôn mẫu, cũng chẳng hề đả động gì đến việc dịch của Hồ Chủ tịch hết, nhưng tôi không cãi, cũng cứ hứa sẽ chữa, mà thật, tôi đã chữa ngay trong bản thảo trước mặt ông Hoài Thanh.

Đó là cái thói kỵ huý trong văn chương của thời phong kiến còn sót lại. Thuở Thiệu Trị, ở trường thi hương Thừa Thiên, Đặng Huy Trứ vào trường thi, trong văn có câu "*vi gia miêu chi hại*", nghĩa là làm hại giống mạ tốt, nhưng "*gia miêu*" là tên làng các vua triều Nguyễn, quan trường sợ bóng sợ gió, sợ như thế có thể hiểu ra là làm hại làng của vua, bèn đánh rớt bay. Lại thuở Tự Đức, cũng trường thi Thừa Thiên, Lương Gia Hựu cũng vào trường thi, trong văn có câu "*vi thiên tử chi áp*", chữ "*áp*" đó nghĩa là kinh đô, thế mà quan trường sợ có thể hiểu nhầm na rằng thiên tử ôm ấp cô gái nào, cũng đánh rớt bay. Thử so sánh mà xem, có phải mấy ông lãnh đạo của tôi cũng sợ bóng sợ gió, cũng kỵ huý như mấy ông quan trường ấy không? Người ta làm cho tôi cảm thấy qua việc ấy rằng nước Việt Nam ngày xưa, triều đại là triều đại Thiệu Trị, Tự Đức, cái nguồn văn chương là Tứ thư, Ngũ kinh, còn nước Việt Nam ngày nay, cũng là triều đại gì đó, chỉ khác cái nguồn văn chương là Mác-xít, chữ cái thói **kỵ huý** của quan trường thì không khác.

Trở lại vấn đề "tự do của văn nghệ sĩ".

Thực ra thì, như trên đã nói, văn nghệ sĩ không đòi tự do bừa bãi, họ chịu ở dưới quyền lãnh đạo, chỉ duy cái vấn đề họ đặt ra là *lãnh đạo phải như thế nào*. Nói như thế cũng chưa hết ý. Phải nói rằng văn nghệ sĩ cũng muốn được tự do, nhưng họ chỉ yêu cầu *được tự do trong nghệ thuật*. Đành rằng văn nghệ phục vụ chính trị, cho nên chính trị phải lãnh đạo văn nghệ. Nhưng phải hỏi: chính trị nếu muốn đạt đến cái mục đích của nó, thì cứ dùng những khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị, không được hay sao, mà phải cần dùng đến văn nghệ? Trả lời cho thành thật, e chính trị phải vỗ vai văn nghệ mà nói rằng: "*Sở dĩ tao tha thiết đến mày là vì tao muốn lợi dụng cái nghệ thuật của mày*." Đã coi mở với nhau như thế rồi, văn nghệ đồng ý. Nhưng phần nghệ thuật này là phần riêng của văn nghệ, chính trị không bao biện được, nó phải đòi tự do trong phần ấy. Như thế, tưởng chính trị cũng lấy lẽ gì mà không đồng ý. "Hai bên đều có lợi", cái nguyên tắc ấy, ở ngày nay, nó thích dụng trong bất cứ một sự hợp tác nào.

Nhưng hai năm nay, lãnh đạo văn nghệ của chúng ta đã đi quá trớn mà không giữ đúng cái giao ước bắt thành văn ấy. Lãnh đạo đã xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ thuật của văn nghệ sĩ. Trong văn nghệ, không cứ về ngành nào, sáng tác hay "sản xuất", đều hầu như bị Ban Thường vụ của Hội xô sẹo dất đi, hay quá lắm là nhúng tay vào. "Phục vụ công nông binh" và "phục vụ kịp thời", cái đó đã đành rồi; "quần chúng văn nghệ" bực mình vì còn phải chịu mệnh lệnh của lãnh đạo ngoài những cái đó.

Tức như trước đây trong việc chấm giải thưởng về nhạc. Có một bài nhạc, Ban chấm giải (gồm những nhạc sĩ chuyên môn) đặt vào hạng thấp, thì Ban Thường vụ bảo phải nhắc lên hạng cao, lấy lẽ rằng "lời" nó hay và đúng chính sách. Ban chấm giải bầy rằng tuy "lời" hay mà "nhạc" tầm thường nên để hạng thấp, nhưng không được, rớt lại cũng phải nhắc lên hạng cao. Một anh nhạc sĩ trong Ban chấm giải thuật chuyện ấy cho tôi nghe và phàn nàn rằng thế thì làm thơ làm văn cho hay và đúng chính sách cũng được, việc gì phải làm nhạc và phải giao cho nhạc sĩ chấm? Tôi cho phàn nàn như thế là có lý lắm, trừ ra khi nào Ban Thường vụ cũng là nhạc sĩ chuyên môn thì vấn đề còn phải thảo luận lại.

Đề rồi đến ngày Đại hội, trong mỗi ngành sẽ có người đứng lên nói những sự thực như thế ra. Tôi ở ngành văn, tôi đã kể một chuyện về viết như trên kia cũng đủ thấy là khó chịu rồi. Cái sự bẻ bẻ hợ của bà già đối với nàng dâu, hà tất phải kể ra hàng tràng, thiên hạ mới biết. Ông Nguyễn Tuân và ông Hoài Thanh đều là nhà văn nổi tiếng, tôi không nói các ông không có thẩm quyền về nghệ thuật viết văn. Nhưng các ông có nghệ thuật của các ông, còn tôi có nghệ thuật của tôi. Trong nghệ thuật ngụ cái cá tính của mỗi người một khác, do đó nghệ thuật tính của văn nghệ của mỗi tác giả một khác. Có thể thì mới có được cái quang cảnh "trăm hoa đua nở". Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, *hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết*.

Mà nếu cứ thế này mãi, than ôi, cái ngày ấy cũng chẳng xa đâu! Cái tác phong lãnh đạo ấy hiện đã truyền nhiễm khắp Hà Nội rồi. Một toà soạn nào đó cũng có quyền chữa bài của tôi, vớt bài của tôi. Mà phải chi đáng chữa mà chữa, đáng vớt mà vớt cho cam. Mới đây, trước ngày 20 tháng 7, có một nhà báo – giấu làm gì? Nói

ngay là nhà báo *Tổ quốc* – nhà báo *Tổ quốc* viết thư cậy tôi viết một bài. “Viết một bài về chuyện miền Nam”, như thế là đã “ra đề” cho tôi “làm bài” đó, tưởng cũng đủ lắm rồi. Trong thư, ông đại chủ bút còn “dàn bài” cho tôi nữa: những là “yêu cầu” thế này, “mục đích” thế nọ, và hạn từ một ngàn rưỡi chữ đến hai ngàn chữ. Tôi lấy làm đau xót quá (có lẽ đó vì tôi tự ái, đáng kiểm thảo), bèn kiếm cách từ chối.

Cụ Đồ Chiêu ơi! Cụ Đồ Chiêu! Ở thời cụ, cụ đã kêu:

Ở đây nào phải trường thi

Ra đề, hạn vận một khi buộc ràng?

thế mà đến ngày nay, bảy tám mươi năm sau cụ, người ta còn ra đề, dàn bài, lại hạn chữ cho tôi nữa đó cụ ơi! Tôi còn làm ăn gì được nữa cụ ơi! Tôi còn là tôi đâu được nữa cụ ơi!